



TON DONG A

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026

CÔNG
TY CỔ
PHẦN
TÔN
ĐÔNG Á

Digitally signed by CÔNG
TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG
Á
DN: C=VN, S=Hồ Chí Minh,
L=ĐI AN, CN=CÔNG TY
CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á,
OID.0.9.2342.19200300.10
0.1.1=MST:3700255880
Reason: I am the author of
this document
Location: your signing
location here
Date: 2026.10.27 13:31:
08+07'00'
Foxit Reader Version:
10.1.0

THÁNG 10 NĂM 2026



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần I, Phường Dĩ An, TP.Hồ Chí Minh
 Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
 Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B01 – DN/HN

(Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC Ngày
 20 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2026

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 30/09/2026	Số đầu kỳ 01/01/2026
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		10.185.394.289.980	9.104.893.494.431
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	467.948.458.357	727.802.355.742
Tiền	111		463.947.458.357	618.028.446.343
Các khoản tương đương tiền	112		4.001.000.000	109.773.909.399
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	3.364.115.273.960	2.817.017.120.457
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123		3.364.115.273.960	2.817.017.120.457
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.815.003.797.323	1.560.136.209.684
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	1.597.096.554.779	1.506.795.302.935
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	217.331.595.483	73.697.607.135
Phải thu ngắn hạn khác	135	V.5	29.861.660.504	11.402.990.329
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	136	V.3	(29.286.013.443)	(31.759.690.715)
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	3.979.233.533.953	3.582.329.782.499
Hàng tồn kho	141		4.109.780.943.088	3.651.740.541.116
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	142		(130.547.409.135)	(69.410.758.617)
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		559.093.226.387	417.608.026.049
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.7	32.376.693.409	29.255.297.940
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162	V.16	525.961.385.540	387.340.927.601
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	163	V.16	755.147.438	1.011.800.508

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
 Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
 Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B01 – DN/HN

(Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC Ngày
 20 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2026

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 30/09/2026	Số đầu kỳ 01/01/2026
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.047.812.568.185	2.795.673.006.585
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		7.679.467.916	11.488.194.916
Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.4	6.435.000	6.435.000
Phải thu dài hạn khác	215	V.5	7.673.032.916	11.481.759.916
II. Tài sản cố định	220		1.844.165.731.121	1.864.364.245.681
Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	1.656.598.592.072	1.648.782.100.649
- Nguyên giá	222		4.930.061.141.809	4.721.876.748.746
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(3.273.462.549.737)	(3.073.094.648.097)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.9	59.174.826.833	91.515.291.265
- Nguyên giá	225		104.239.777.298	144.995.180.732
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226		(45.064.950.465)	(53.479.889.467)
Tài sản cố định vô hình	227	V.10	128.392.312.216	124.066.853.767
- Nguyên giá	228		149.337.878.967	143.531.273.727
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(20.945.566.751)	(19.464.419.960)
V. Tài sản dở dang dài hạn	250	V.11	363.636.888.809	216.849.723.688
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		54.159.299.084	27.902.442.105
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252		309.477.589.725	188.947.281.583
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260	V.2	71.771.164.385	265.278.213.699
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	265		71.771.164.385	265.278.213.699
VII. Tài sản dài hạn khác	270		760.559.315.954	437.692.628.601
Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.7	722.165.260.910	410.190.019.761
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		32.138.230.142	20.592.104.588
Lợi thế thương mại	279	V.12	6.255.824.902	6.910.504.252
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		13.233.206.858.165	11.900.566.501.016

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B01 – DN/HN

(Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC Ngày
20 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2026

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 30/09/2026	Số đầu kỳ 01/01/2026
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		9.217.531.377.493	7.933.576.483.500
I. Nợ ngắn hạn	310		8.921.439.609.743	7.747.212.109.796
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	2.839.573.529.966	1.413.145.833.265
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	55.486.494.896	34.762.012.507
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	V.15	149.371.738.500	284.287.500
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.16	85.161.091.444	99.860.391.505
Phải trả người lao động	315		28.704.348.411	35.255.136.415
Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.17	15.710.379.754	10.288.498.337
Phải trả ngắn hạn khác	320	V.18	7.779.403.346	5.412.127.451
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.20	5.689.167.228.724	6.101.424.587.126
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.19	50.485.394.702	46.779.235.690
II. Nợ dài hạn	330		296.091.767.750	186.364.373.704
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	V.20	240.406.103.788	186.364.373.704
Trái phiếu chuyển đổi	340	V.21	55.685.663.962	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.22	4.015.675.480.672	3.966.990.017.516
Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.490.988.510.000	1.490.988.510.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.490.988.510.000	1.490.988.510.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		834.436.453.483	834.436.453.483
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		1.931.977.742	1.931.977.742
Vốn khác của chủ sở hữu	414		149.098.851.000	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(1.876.672.519)	(550.891.189)
Quỹ đầu tư phát triển	418		3.430.602.730	3.430.602.730
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.507.890.168.009	1.610.207.790.905
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		1.287.824.456.265	1.338.362.554.602
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	420b		220.065.711.744	271.845.236.303
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		29.775.590.227	26.545.573.845
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		13.233.206.858.165	11.900.566.501.016

Người lập biểu
(Ký, họ tên)



Võ Công Danh

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Trần Lệ Xuân

Ngày 26 tháng 10 năm 2026

Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Đoàn Vĩnh Phước

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B02 – DN/HN

(Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC Ngày
20 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/09/2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ III		Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09	
			Năm 2026	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2025
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	4.501.113.031.865	3.687.176.077.140	11.158.665.638.868	11.926.245.613.128
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		166.162.436	6.855.797.683	3.019.270.295	12.427.867.125
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		4.500.946.869.429	3.680.320.279.457	11.155.646.368.573	11.913.817.746.003
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	VI.2	4.100.552.009.945	3.483.102.062.188	10.319.435.649.718	11.096.648.797.055
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ cung cấp (20 = 10 - 11)	20		400.394.859.484	197.218.217.269	836.210.718.855	817.168.948.948
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-	-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.1	67.712.001.903	87.537.408.554	215.909.299.958	251.182.472.537
8. Chi phí tài chính	23	VI.3	119.967.602.201	83.727.849.928	311.842.793.533	290.108.914.127
- Trong đó: Chi phí đi vay	24		108.973.788.744	65.064.603.737	291.635.159.905	202.172.851.440
9. Chi phí bán hàng	25	VI.4	213.736.961.704	66.782.729.428	365.795.568.560	406.015.334.658
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	37.911.580.913	29.959.546.189	94.146.033.141	81.604.114.514
11. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	27		-	-	-	-
12. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+21+(22-23)-(25+26)+27}	30		96.490.716.569	104.285.500.278	280.335.623.579	290.623.058.186
13. Thu nhập khác	31	VI.6	3.292.481.189	2.504.145.260	6.608.258.115	7.552.554.818
14. Chi phí khác	32	VI.6	1.155.894.065	266.509.512	4.521.865.036	1.970.969.230
15. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		2.136.587.124	2.237.635.748	2.086.393.079	5.581.585.588
16. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		98.627.303.693	106.523.136.026	282.422.016.658	296.204.643.774
17. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	29.004.741.766	20.390.421.970	77.691.919.285	31.765.854.483
18. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.7	(4.431.844.342)	1.109.147.650	(11.546.125.554)	29.047.498.739
19. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		74.054.406.269	85.023.566.406	216.276.222.927	235.391.290.552
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		75.279.146.909	85.026.913.571	220.065.711.744	235.398.340.919
21. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(1.224.740.640)	(3.347.165)	(3.789.488.817)	(7.050.367)
22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-	-	-
23. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-	-	-

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

D

Võ Công Danh

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Trần Lê Xuân

Trần Lê Xuân

Ngày 26 tháng 10 năm 2026

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Đoàn Vĩnh Phước

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
 Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
 Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B03 – DN/HN
 (Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC Ngày
 20 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/09/2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Tổng Lợi nhuận kế toán trước thuế	1	282.422.016.658	296.204.643.774
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao và hao mòn tài sản	2	206.167.332.012	198.110.153.569
Trích lập (hoàn nhập) các khoản dự phòng	3	58.662.973.246	(143.098.996.121)
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4	(6.589.047.395)	(3.635.291.030)
Lãi từ hoạt động đầu tư, tài chính	5	(203.306.211.109)	(161.643.328.636)
Chi phí đi vay	6	291.635.159.905	202.172.851.440
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	628.992.223.317	388.110.032.996
Tăng các khoản phải thu	9	(227.871.254.636)	(386.287.635.952)
Tăng (Giảm) hàng tồn kho	10	(484.297.258.951)	1.645.245.377.330
Tăng (Giảm) các khoản phải trả	11	1.411.132.698.894	(661.286.510.699)
Tăng (Giảm) chi phí chờ phân bổ	12	(331.592.696.201)	21.917.601.453
Tiền lãi vay đã trả	14	(289.025.034.334)	(214.056.777.872)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(47.744.480.559)	(120.792.773.077)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(17.977.861.470)	(22.160.802.718)
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh	20	641.616.336.060	650.688.511.461
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(406.393.877.636)	(311.203.542.264)
Tiền thu do thanh lý tài sản cố định	22	2.151.212.459	3.205.555.551
Tiền chi để mua trái phiếu, gửi ngân hàng có kỳ hạn và cho vay	23	(5.745.147.056.523)	(6.399.650.807.268)
Tiền thu từ bán trái phiếu, tất toán tiền gửi ngân hàng và thu hồi khoản cho vay	24	5.366.502.967.215	6.460.657.248.084
Tiền thu lãi đầu tư trái phiếu, lãi tiền gửi và lãi cho vay	27	190.612.895.089	190.081.890.875
Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư	30	(592.273.859.396)	(56.909.655.022)

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B03 – DN/HN
(Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC Ngày
20 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/09/2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ nhận vốn góp	31	-	344.073.410.000
Tiền thu từ đi vay	33	8.993.383.236.020	10.775.863.019.561
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(9.277.909.354.544)	(11.475.804.888.744)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	(24.115.358.912)	(25.935.386.793)
Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	(11.400.000)	(458.758.745.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính	40	(308.652.877.436)	(840.562.590.976)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(259.310.400.772)	(246.783.734.537)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	727.802.355.742	811.027.391.399
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(543.496.613)	104.634.517
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	467.948.458.357	564.348.291.379

Người lập biểu
(Ký, họ tên)



Võ Công Danh

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Trần Lệ Xuân

Ngày 26 tháng 10 năm 2026

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Đoàn Vĩnh Phước

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC Ngày
20 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 09 năm 2026 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tôn Đông Á (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 3700255880 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 2 tháng 2 năm 2009 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.
Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) là sản xuất các sản phẩm thép, và các sản phẩm cơ khí; mua bán các sản phẩm thép, vật liệu xây dựng, vật tư, nguyên nhiên liệu, máy móc thiết bị; xây dựng dân dụng, công nghiệp và vận chuyển hàng hóa đường bộ.

2. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường : 12 tháng.

3. Mô hình hoạt động:

Công ty có trụ sở chính tại Số 5 Đường số 5, Khu Công nghiệp Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có một (1) văn phòng đại diện tại Số 21 - 23 Hồ Văn Huê, Phường Đức Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; và một (1) chi nhánh tại Lô A3, đường D4, Khu Công nghiệp Đồng An 2, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 09 năm 2026 là: 1.372 người (ngày 31 tháng 12 năm 2025: 1.367 người).

Cơ cấu tổ chức

Công ty có Mười một (11) công ty con. Chi tiết như sau:

Danh sách công ty con	Tỷ lệ sở hữu(%)	Tỷ lệ biểu quyết(%)
1. Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Long An Địa Chỉ: Lô D9, Đường số 4, Khu công nghiệp Nhứt Chánh, Xã Bình Đức, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	100	100
2. Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Đà Nẵng Địa Chỉ: Lô D, Đường số 4, Khu công nghiệp Hòa Khánh, Phường Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	100	100
3. Công Ty TNHH Logistics Hưng Việt Địa Chỉ: Lô CN16 ô số 9-10, đường số 6, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100	100
4. Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Bắc Ninh Địa Chỉ: Nhà RBF -Q, khu RBF, số 36, đường 05, VSIP Bắc Ninh, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	100	100
5. Công ty TNHH Đông Á – Phú Mỹ Địa Chỉ: Lô Q1, đường D3, Khu công nghiệp Chuyên Sâu Phú Mỹ 3, Phường Tân Phước, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	100	100
6. Công ty TNHH Một thành viên Đông Á – Phú Mỹ 1 Địa chỉ: Đường 1A, Khu Công Nghiệp Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	100	100
7. Công Ty TNHH Đầu Tư và Địa ốc Đông Á Miền Trung Địa chỉ: Đường Võ Như Hưng, Khối Phố Quảng Lăng B, Phường Điện Bàn Đông, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	95	95
8. PT Indo Vina Steel Địa Chỉ: Số 91, Đường Tanah Abang II, Xã/Khu phố Cideng, Quận Gambir, Thành phố Jakarta Trung tâm Hành chính, Tỉnh DKI Jakarta	51	51
9. Công ty TNHH Đầu Tư Và Phát Triển Đông Á Địa Chỉ: 18 Hồ Văn Huê, Phường Đức Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.	100	100
10. Công Ty TNHH IDD Cần Thơ (trước đây Công ty TNHH Phát Triển Đông Á Mekong) Địa Chỉ: Thửa đất số 63, Tờ bản đồ số 122, Đường Lý Hồng Thanh, Khu dân cư Miền Tây-Cần Thơ, Phường Cái Khế, Thành Phố Cần Thơ, Việt Nam	100	100
11. Công ty Cổ Phần Bất Động Sản Nam Tiến Địa Chỉ: Số 35 ĐH1, Đường 33m Trần Phú, Tổ dân phố Hà Tây, Phường Điện Bàn Bắc, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.	88,8	88,8

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC Ngày
20 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 09 năm 2026 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế Toán

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2. Đơn vị tiền tệ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Nhóm Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và thông tư 43/2026/TT-BTC ngày 20/04/2026 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Nhóm Công ty được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền và không bị hạn chế sử dụng.

2. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty xác định số lượng và tính giá trị hàng tồn kho trên cơ sở số lượng và giá trị hàng tồn kho cuối kỳ. Giá trị hàng tồn kho đó được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa

- Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

- Giá gốc thành phẩm áp dụng theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Khi tính giá thành thành phẩm, nguyên liệu, vật liệu được phân bổ theo định mức tiêu hao.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là khoản dự tính trước phần giá trị bị giảm xuống (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v...) thấp hơn giá trị đã ghi sổ kế toán của hàng tồn kho và nhằm bù đắp các khoản thiệt hại thực tế xảy ra do nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác bị giảm giá. Nhóm Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho khi có bằng chứng cho thấy giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn so với giá gốc của hàng tồn kho.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất,

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC Ngày
20 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 09 năm 2026 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích lập dự phòng</u> <u>(% giá trị khoản phải thu)</u>
Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	30
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70
Từ 3 năm trở lên	100

4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình bao gồm những tài sản có hình thái vật chất do doanh nghiệp nắm giữ để sử dụng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến vị trí và trạng thái cần thiết để tài sản đó có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Nhóm Công ty.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

5. Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC Ngày
20 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 09 năm 2026 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

Tài sản thuê tài chính được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

7. Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình, và tài sản cố định thuê tài chính, và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc thiết bị	3 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	5 - 8 năm
Phần mềm máy tính	3 - 8 năm
Tài sản khác	5 - 10 năm

TSCĐ hữu hình được bắt đầu trích khấu hao ngay khi tài sản bắt đầu có khả năng sử dụng hữu ích. TSCĐ vô hình được bắt đầu trích khấu hao từ khi đưa vào sử dụng.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong kỳ trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó

10. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí chờ phân bổ dài hạn liên quan đến hoạt động kinh doanh trong nhiều kỳ kế toán để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC Ngày
20 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 09 năm 2026 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí quảng cáo dùng trong nhiều năm;
- ▶ v.v.

Tiền thuê đất chờ phân bổ

Tiền thuê đất chờ phân bổ bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất trong thời hạn từ 9 đến 44 năm. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 ban hành bởi Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

11. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm.

Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng kỳ thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

12. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn một phần hoặc toàn bộ giá trị của khoản đầu tư (bao gồm cả các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu có) bị suy giảm giá trị hoặc không thu hồi được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

13. Các khoản phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả bao gồm khoản nợ phải trả của Nhóm Công ty cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người bán TSCĐ, bất động sản đầu tư, các khoản đầu tư tài chính theo hợp đồng kinh tế đã ký kết.

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có đủ chứng từ, hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

14. Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi, mà có thể được chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông cố định, được phân chia thành nợ phải trả tài chính (cho phần thỏa thuận mang tính bắt buộc phải chi trả bằng tiền hoặc tài

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC Ngày
20 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 09 năm 2026 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

sản tài chính khác) và vốn chủ sở hữu (phần quyền chuyển đổi thành cổ phiếu trong một thời gian nhất định) theo điều khoản hợp đồng.

Vào ngày phát hành, giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả tài chính trong trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả nợ gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu không chuyển đổi tương tự trên thị trường và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi.

Phần còn lại trong tổng tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cho quyền chuyển đổi và được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Giá trị ghi sổ của quyền chuyển đổi không được đánh giá lại trong các kỳ sau.

15. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá ghi sổ tùy theo nội dung và bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh và nguyên tắc áp dụng tỷ giá hối đoái tại ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

Tỷ giá giao dịch thực tế

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày giao dịch là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch hoặc tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày giao dịch của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (sau đây gọi tắt là tỷ giá xấp xỉ).

Tỷ giá xấp xỉ phải đảm bảo chênh lệch không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày giao dịch. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại. Việc sử dụng tỷ giá xấp xỉ phải đảm bảo không làm ảnh hưởng trọng yếu đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ kế toán của Công ty.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tỷ giá ghi sổ

Tỷ giá ghi sổ bao gồm tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh hoặc tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền. Việc áp dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh hay tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền tùy theo đặc điểm và yêu cầu quản lý các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của Công ty.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở hoạt động ở nước ngoài

Việc chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con mà việc ghi chép sổ sách được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là VND, cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất, được thực hiện như sau:

Tài sản và nợ phải trả của Công ty con và lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con ở nước ngoài được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối kỳ (tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán hoặc tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán);

Giá trị tài sản thuần của công ty con do công ty mẹ nắm giữ tại ngày mua được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ tại ngày mua;

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày mua công ty con được quy đổi bằng cách tính toán theo các khoản mục doanh thu, chi phí của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất;

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC Ngày
20 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 09 năm 2026 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Trường hợp tỷ giá bình quân kỳ báo cáo xấp xỉ tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch (chênh lệch không vượt quá biên độ tỷ giá giao ngay theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam) thì được áp dụng tỷ giá bình quân.

16. Vốn góp của chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông phần có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh tương ứng với số cổ phiếu phát hành thành công. Phần chi phí phát hành cổ phiếu không thành công được ghi nhận vào chi phí tài chính.

17. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty khi được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Cổ tức

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất sau khi đã được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

18. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo đánh giá phần công việc đã hoàn thành.

Doanh thu từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

19. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ nhưng đến kỳ sau mới

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần I, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC Ngày
20 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 09 năm 2026 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại, Nhóm Công ty ghi giảm doanh thu ghi nhận trong kỳ nếu các khoản giảm trừ doanh thu này phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính.

20. Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ

21. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Nhóm Công ty.

22. Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Nhóm Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC Ngày
20 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 09 năm 2026 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

► đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc

Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

23. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

24. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC Ngày
20 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 09 năm 2026 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/09/2026	01/01/2026
	VND	VND
Tiền mặt	1.209.520.037	178.824.833
Tiền gửi không kỳ hạn	461.975.938.320	614.649.621.510
Tiền đang chuyển	762.000.000	3.200.000.000
Các khoản tương đương tiền	4.001.000.000	109.773.909.399
TỔNG CỘNG	467.948.458.357	727.802.355.742

2. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	30/09/2026	01/01/2026
	VND	VND
Ngắn hạn		
Cho vay	496.975.840.043	89.228.944.014
Tiền gửi có kỳ hạn	474.590.598.631	252.848.967.313
Trái phiếu	2.392.548.835.286	2.474.939.209.130
CỘNG	3.364.115.273.960	2.817.017.120.457
Dài hạn		
Trái phiếu	71.771.164.385	265.278.213.699
CỘNG	71.771.164.385	265.278.213.699
TỔNG CỘNG	3.435.886.438.345	3.082.295.334.156

3. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/09/2026	01/01/2026
	VND	VND
Công Ty TNHH TM DV XNK Minh Minh	144.026.213.975	148.994.962.514
Duferco Sa	301.292.923.135	18.051.516.416
Phải thu khách hàng khác	1.148.979.605.656	1.325.814.675.542
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh VII)	2.797.812.013	13.934.148.463
TỔNG CỘNG	1.597.096.554.779	1.506.795.302.935
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(29.286.013.443)	(31.759.690.715)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.567.810.541.336	1.475.035.612.220

Công ty đã sử dụng một số khoản phải thu khách hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 -- DN/HN

(Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC Ngày
20 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 09 năm 2026 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/09/2026	01/01/2026
	VND	VND
NGẮN HẠN		
Danieli Co., Ltd	59.658.066.313	19.675.195.813
PRC Technology (Beijing) Co., Ltd	34.410.820.500	12.301.011.000
Shanghai Jingxiang Industial Company Limited	35.170.985.120	11.565.427.680
Nhà cung cấp khác	85.251.223.550	30.155.972.642
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh VII)	2.840.500.000	-
CỘNG	217.331.595.483	73.697.607.135
DÀI HẠN		
Nhà cung cấp khác	6.435.000	6.435.000
CỘNG	6.435.000	6.435.000
TỔNG CỘNG	217.338.030.483	73.704.042.135

5. PHẢI THU KHÁC

	30/09/2026	01/01/2026
	VND	VND
Ngắn hạn		
Ký quỹ, ký cược	19.426.382.271	7.155.728.250
Phải thu chi hộ	268.726.672	237.623.800
Tạm ứng	2.272.983.744	315.997.628
Khác	7.893.567.817	3.693.640.651
CỘNG	29.861.660.504	11.402.990.329
Dài hạn		
Ký quỹ, ký cược	7.673.032.916	11.481.759.916
CỘNG	7.673.032.916	11.481.759.916
TỔNG CỘNG	37.534.693.420	22.884.750.245

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC Ngày
20 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 09 năm 2026 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

6. HÀNG TỒN KHO

	30/09/2026	01/01/2026
	VND	VND
Thành phẩm	2.365.178.754.601	2.125.029.616.569
Nguyên liệu, vật liệu	1.416.554.088.289	1.011.079.114.148
Hàng đang đi trên đường	279.926.975.623	470.467.895.742
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	41.919.432.085	41.285.560.434
Công cụ, dụng cụ	5.056.653.193	2.872.590.890
Hàng hoá	1.145.039.297	1.005.763.333
TỔNG CỘNG	4.109.780.943.088	3.651.740.541.116
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(130.547.409.135)	(69.410.758.617)
Giá trị thuần	3.979.233.533.953	3.582.329.782.499

Công ty đã sử dụng một số hàng tồn kho của Công ty để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30/09/2026 VND	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30/09/2025 VND
Số đầu kỳ	69.410.758.617	251.401.145.812
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	130.547.409.135	107.295.404.692
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(69.410.758.617)	(251.401.145.812)
Số cuối kỳ	130.547.409.135	107.295.404.692

7. CHI PHÍ CHỜ PHÂN BỐ

	30/09/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngắn hạn	32.376.693.409	29.255.297.940
Công cụ, dụng cụ đang dùng	21.774.124.144	18.362.884.938
Khác	10.602.569.265	10.892.413.002
Dài hạn	722.165.260.910	410.190.019.761
Chi phí sử dụng hạ tầng	303.217.398.947	89.260.393.237
Tiền thuê đất trả trước (*)	260.156.156.111	180.174.036.734
Công cụ, dụng cụ đang dùng	107.689.544.319	90.728.447.899
Khác	51.102.161.533	50.027.141.891
TỔNG CỘNG	754.541.954.319	439.445.317.701

(*) Công ty đã sử dụng một số quyền sử dụng đất của Công ty để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC Ngày
20 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 09 năm 2026 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2026	899.958.735.333	3.571.899.201.112	228.627.530.851	21.354.837.262	36.444.188	4.721.876.748.746
Đầu tư xây dựng cơ bản	73.754.192.131	78.699.675.281	4.753.000.000	586.440.000	-	157.793.307.412
Mua trong kỳ	609.890.580	7.677.616.975	1.504.914.000	1.498.407.427	-	11.290.828.982
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	26.241.620.302	20.793.054.540	-	-	47.034.674.842
Thanh lý	-	(626.916.167)	(7.307.502.006)	-	-	(7.934.418.173)
Tại ngày 30/09/2026	974.322.818.044	3.683.891.197.503	248.370.997.385	23.439.684.689	36.444.188	4.930.061.141.809
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	41.681.300.751	1.247.951.669.880	85.582.153.501	16.238.361.388	-	1.391.453.485.520
Giá trị khấu hao lũy kế						
Tại ngày 01/01/2026	314.758.918.435	2.555.922.951.556	185.177.063.004	17.208.989.366	26.725.736	3.073.094.648.097
Khấu hao trong kỳ	32.032.175.610	139.878.908.225	13.483.652.614	868.596.942	5.466.627	186.268.800.018
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	8.359.080.199	13.220.931.116	-	-	21.580.011.315
Thanh lý	-	(618.050.430)	(6.862.859.263)	-	-	(7.480.909.693)
Tại ngày 30/09/2026	346.791.094.045	2.703.542.889.550	205.018.787.471	18.077.586.308	32.192.363	3.273.462.549.737
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2026	585.199.816.898	1.015.976.249.556	43.450.467.847	4.145.847.896	9.718.452	1.648.782.100.649
Tại ngày 30/09/2026	627.531.723.999	980.348.307.953	43.352.209.914	5.362.098.381	4.251.825	1.656.598.592.072

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC Ngày
20 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 09 năm 2026 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2026	26.241.620.302	118.753.560.430	144.995.180.732
Thuê trong kỳ	-	6.279.271.408	6.279.271.408
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(26.241.620.302)	(20.793.054.540)	(47.034.674.842)
Tại ngày 30/09/2026	-	104.239.777.298	104.239.777.298
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2026	6.396.350.783	47.083.538.684	53.479.889.467
Khấu hao trong kỳ	1.962.729.416	11.202.342.897	13.165.072.313
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(8.359.080.199)	(13.220.931.116)	(21.580.011.315)
Tại ngày 30/09/2026	-	45.064.950.465	45.064.950.465
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2026	19.845.269.519	71.670.021.746	91.515.291.265
Tại ngày 30/09/2026	-	59.174.826.833	59.174.826.833

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2026	117.526.300.000	26.004.973.727	143.531.273.727
Mua mới	-	3.221.775.000	3.221.775.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	2.584.830.240	2.584.830.240
Tại ngày 30/09/2026	117.526.300.000	31.811.578.967	149.337.878.967
Trong đó:			
Đã khấu hao hết	-	16.337.924.227	16.337.924.227
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2026	-	19.464.419.960	19.464.419.960
Hao mòn trong kỳ	-	1.481.146.791	1.481.146.791
Tại ngày 30/09/2026	-	20.945.566.751	20.945.566.751
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2026	117.526.300.000	6.540.553.767	124.066.853.767
Tại ngày 30/09/2026	117.526.300.000	10.866.012.216	128.392.312.216

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC Ngày
20 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 09 năm 2026 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN DỜ DANG

	30/09/2026	01/01/2026
	VND	VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		
Dự án đất nền	54.159.299.084	27.902.442.105
TỔNG CỘNG	54.159.299.084	27.902.442.105
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
Dự án	245.963.750.365	92.525.677.522
Cải tạo văn phòng đại diện	24.379.362.314	20.218.389.943
Khác	39.134.477.046	76.203.214.118
TỔNG CỘNG	309.477.589.725	188.947.281.583
TỔNG CỘNG	363.636.888.809	216.849.723.688

12. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	30/09/2026	01/01/2026
	VND	VND
Công Ty TNHH Đầu Tư và Địa ốc Đông Á Miền Trung	6.255.824.902	6.910.504.252
TỔNG CỘNG	6.255.824.902	6.910.504.252

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/09/2026	01/01/2026
	VND	VND
Ngắn hạn		
Jfe Shoji Corporation	390.044.578.861	132.138.569.750
Phải trả cho người bán Khác	846.616.101.490	380.248.752.549
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh VII)	1.602.912.849.615	900.758.510.966
TỔNG CỘNG	2.839.573.529.966	1.413.145.833.265

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/09/2026	01/01/2026
	VND	VND
Hanwa Singapore (Private) Limited	-	10.222.917.433
H.S.I.I CO., LTD.	-	7.659.454.160
LLC Max Trade Group	2.704.482.703	3.367.568.059
LLC Dives-Plus	-	3.676.265.081
Artsteel Canada Inc	7.817.997.525	-
Padma Chitta Jnana PTE. LTD.	13.168.342.073	-
Koop Sheet Metal	13.143.672.315	-
Người mua trả tiền trước khác	18.586.703.220	9.835.807.774
Người mua trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh VII)	65.297.060	-
TỔNG CỘNG	55.486.494.896	34.762.012.507

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC Ngày
20 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 09 năm 2026 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

15. PHẢI TRẢ VỀ CỔ TỨC

	30/09/2026	01/01/2026
	VND	VND
<i>Lợi nhuận thuộc năm tài chính</i>		
2025	149.371.738.500	-
2024	-	241.300.000
2022	-	13.585.000
2021	-	22.610.000
2019	-	6.792.500
TỔNG CỘNG	149.371.738.500	284.287.500

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số dư tại ngày 01/01/2026	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số dư tại ngày 30/09/2026
<i>Đơn vị tính: VND</i>				
Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	19.986.840	32.019	-	20.018.859
Thuế giá trị gia tăng	387.340.927.601	1.432.699.445.392	1.294.078.987.453	525.961.385.540
Thuế Thu nhập cá nhân	280.829.387	55.792.764	280.829.387	55.792.764
Khác	710.984.281	23.930.000	55.578.466	679.335.815
TỔNG CỘNG	388.352.728.109	1.432.779.200.175	1.294.415.395.306	526.716.532.978
Phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	47.744.480.559	77.691.919.285	47.744.480.559	77.691.919.285
Thuế giá trị gia tăng	45.203.581.930	1.351.348.765.841	1.393.166.316.070	3.386.031.701
Thuế thu nhập cá nhân	326.692.402	6.187.293.575	5.834.371.517	679.614.460
Thuế bảo vệ môi trường	32.400.000	226.800.000	259.200.000	-
Thuế nhập khẩu	124.293.412	467.363.231	591.656.643	-
Khác	6.428.943.202	627.228.287	3.652.645.491	3.403.525.998
TỔNG CỘNG	99.860.391.505	1.436.549.370.219	1.451.248.670.280	85.161.091.444

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC Ngày
20 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 09 năm 2026 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/09/2026 VND	01/01/2026 VND
Chi phí lãi vay	11.552.613.269	9.136.658.494
Khác	4.157.766.485	1.151.839.843
TỔNG CỘNG	15.710.379.754	10.288.498.337

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/09/2026 VND	01/01/2026 VND
Thù lao HĐQT, BKS và ban thư ký HĐQT	3.155.147.900	3.158.035.756
Khác	4.624.255.446	2.254.091.695
TỔNG CỘNG	7.779.403.346	5.412.127.451

19. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	30/09/2026 VND	01/01/2026 VND
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	50.485.394.702	46.779.235.690
Giá trị thuần	50.485.394.702	46.779.235.690

Chi tiết tình hình tăng (giảm) Quỹ khen thưởng, phúc lợi:

	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30/09/2026 VND	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30/09/2025 VND
Số đầu kỳ	46.779.235.690	42.184.482.641
Cộng: Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	21.684.020.482	26.054.407.962
Trừ: Sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi	(17.977.861.470)	(22.160.802.718)
Số cuối kỳ	50.485.394.702	46.078.087.885

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC Ngày
20 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 09 năm 2026 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY, NỢ THUÊ TÀI CHÍNH VÀ TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI

	30/09/2026	01/01/2026
	VND	VND
Vay ngắn hạn		
Vay ngân hàng	5.577.735.379.240	5.928.729.249.974
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	34.477.370.343	29.251.943.724
Upas L/C	63.325.292.149	59.222.137.848
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	13.629.186.992	28.535.591.618
Trái phiếu chuyển đổi (Thuyết minh số 21)	-	55.685.663.962
CỘNG	5.689.167.228.724	6.101.424.587.126
Vay dài hạn		
Vay ngân hàng	223.937.157.050	167.544.136.680
Nợ thuê tài chính	16.468.946.738	18.820.237.024
Trái phiếu chuyển đổi (Thuyết minh số 21)	55.685.663.962	-
CỘNG	296.091.767.750	186.364.373.704
TỔNG CỘNG	5.985.258.996.474	6.287.788.960.830

	30/09/2026		01/01/2026	
	VND	USD - IDR	VND	USD - IDR
Vay , nợ thuê tài chính và trái phiếu chuyển đổi ngắn hạn	5.689.167.228.724	36.422.409	6.101.424.587.126	-
Vay ngắn hạn ngân hàng - VND	4.628.654.223.163		5.928.729.249.974	
Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Đồng Sài Gòn	2.006.263.956.586		1.920.997.797.170	
Ngân Hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - CN Tân Bình	1.239.767.327.780		2.237.937.719.225	
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)	173.311.801.481		-	
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Nam Bình Dương	496.547.171.459		494.239.256.932	
Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam – CN Sài Gòn	-		434.165.455.574	
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành	-		121.451.528.399	
Ngân Hàng United Overseas – CN HCM	257.876.666.344		221.837.104.070	
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - CN Sài Gòn	344.872.509.199		198.554.512.470	
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Sài Gòn	110.014.790.314		299.545.876.134	
Vay ngắn hạn ngân hàng - USD	949.081.156.077	36.422.409	-	-
Ngân Hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - CN Tân Bình	871.741.232.838	33.487.530	-	-
Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Đồng Sài Gòn	77.339.923.239	2.934.879	-	-
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	34.477.370.343		29.251.943.724	
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)	6.568.141.655		8.757.522.207	
Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Đồng Sài Gòn	27.909.228.688		20.494.421.517	
Upass-LC	63.325.292.149		59.222.137.848	
Trái phiếu chuyển đổi	-		55.685.663.962	
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	13.629.186.992		28.535.591.618	
Công Ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chailease	8.889.035.492		16.547.202.406	
Công Ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam	-		5.668.187.212	
Công Ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi Nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh	4.740.151.500		6.320.202.000	
Vay , nợ thuê tài chính và trái phiếu chuyển đổi dài hạn	296.091.767.750	54.048.936.762	186.364.373.704	-
Vay dài hạn ngân hàng - VND	145.295.954.061		167.544.136.680	
Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Đồng Sài Gòn	125.591.529.115		143.460.950.630	
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)	19.704.424.946		24.083.186.050	
Vay ngắn hạn ngân hàng - IDR	78.641.202.989	54.048.936.762	-	-
PT. Bank Negara Indonesia	78.641.202.989	54.048.936.762	-	-
Nợ thuê tài chính dài hạn	16.468.946.738		18.820.237.024	
Công Ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chailease	5.226.475.906		10.989.593.192	
Công Ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi Nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh	4.670.542.832		7.830.643.832	
Công Ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam	6.571.928.000		-	
Trái phiếu chuyển đổi	55.685.663.962		-	
TỔNG CỘNG	5.985.258.996.474	54.085.359.171	6.287.788.960.830	-

Lãi suất của các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng bằng VND là từ 7,40%/năm đến 8,50%/năm, bằng USD là từ 3,50%/năm đến 4,20%/năm. Lãi suất của các khoản vay dài hạn từ các ngân hàng bằng VND là từ 7,40%/năm đến 8,50%/năm, bằng IDR là từ 7,50%/năm. Lãi suất của các khoản thuê tài chính từ các công ty thuê tài chính bằng VND là từ 8,00%/năm đến 9,40%/năm. Hình thức đảm bảo là tín chấp, hàng tồn kho, máy móc thiết bị, Phương tiện vận tải quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, trái phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐỒNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC Ngày

20 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 09 năm 2026 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

21. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI

Thời điểm phát hành (năm)	Kỳ hạn	Số lượng trái phiếu	Mệnh giá (VND)	Lãi suất danh nghĩa (%/năm)	Lãi suất chiết khấu (%/năm)	Cấu phần vốn (VND)	Cấu phần nợ (VND)
---------------------------------	--------	------------------------	-------------------	-----------------------------------	-----------------------------------	-----------------------	----------------------

Ngày 01 tháng 01 năm 2026 và

2014	3 năm	559.067	100.000	5	6,3	1.931.977.742	55.685.663.962
------	-------	---------	---------	---	-----	---------------	----------------

Vào ngày 17 tháng 3 năm 2014, Công ty đã ký kết Hợp đồng Đặt mua Trái phiếu (“HĐĐMTP”) với Công ty TNHH Posco Việt Nam (“Posco”). Công ty và Posco đã ký phụ lục mới nhất – Phụ lục số 10 của HĐĐMTP - ngày đáo hạn mới nhất sẽ là ngày 28 tháng 4 năm 2028. Theo đó, nếu việc chuyển đổi được thực hiện, trái phiếu sẽ được tự động chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông theo giá chuyển đổi được thỏa thuận vào ngày đáo hạn.

VỐN CHỦ SỞ HỮU.
22.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Vốn khác	Quỹ đầu tư và phát triển	chênh lệch tỉ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Kỳ trước									
Tại ngày 01/01/2025	1.146.915.100.000	834.436.453.483	1.931.977.742	-	3.430.602.730	-	1.826.339.918.321	2.051.150.163	3.815.105.202.439
Tăng vốn góp	344.073.410.000	-	-	-	-	-	-	-	344.073.410.000
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	-	(458.764.920.000)	-	(458.764.920.000)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	235.398.340.919	(7.050.367)	235.391.290.552
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(26.054.407.963)	-	(26.054.407.963)
Khác	-	-	-	-	-	-	(3.158.035.756)	-	(3.158.035.756)
Tại ngày 30/09/2025	1.490.988.510.000	834.436.453.483	1.931.977.742	-	3.430.602.730	-	1.573.760.895.521	2.044.099.796	3.906.592.539.272
Kỳ này									
Tại ngày 01/01/2026	1.490.988.510.000	834.436.453.483	1.931.977.742	-	3.430.602.730	(550.891.189)	1.610.207.790.905	26.545.573.845	3.966.990.017.516
Tăng vốn góp	-	-	-	-	-	-	-	8.293.295.105	8.293.295.105
Cổ tức trả bằng tiền mặt	-	-	-	-	-	-	(149.098.851.000)	-	(149.098.851.000)
Cổ tức trả bằng cổ phiếu	-	-	-	-	-	-	(149.098.851.000)	-	(149.098.851.000)
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	-	(1.325.781.330)	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	220.065.711.744	(1.273.789.906)	(2.599.571.236)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(21.684.020.482)	(3.789.488.817)	216.276.222.927
Khác	-	-	-	-	-	-	(2.501.612.158)	-	(2.501.612.158)
Tại ngày 30/09/2026	1.490.988.510.000	834.436.453.483	1.931.977.742	149.098.851.000	3.430.602.730	(1.876.672.519)	1.507.890.168.009	29.775.590.227	4.015.675.480.672

ĐVT: VND

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC Ngày

20 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 09 năm 2026 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức cho cổ đông của công ty

	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30/09/2026 VND	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30/09/2025 VND
<i>Vốn cổ phần</i>		
Số đầu kỳ	1.490.988.510.000	1.146.915.100.000
Tăng trong kỳ	-	344.073.410.000
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	<u>1.490.988.510.000</u>	<u>1.490.988.510.000</u>

22.3 Cổ phiếu

	30/09/2026 VND Số cổ phiếu	01/01/2026 VND Số cổ phiếu
Cổ phiếu được phép phát hành	149.098.851	149.098.851
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	149.098.851	149.098.851
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	149.098.851	149.098.851

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC Ngày

20 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 09 năm 2026 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. DOANH THU

1.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30/09/2026 VND	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30/09/2025 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	11.158.665.638.868	11.926.245.613.128
Trong đó:		
Các bên khác	11.055.215.106.276	11.856.469.322.644
Các bên liên quan (Thuyết minh VII)	103.450.532.592	69.776.290.484
Các khoản giảm trừ doanh thu	3.019.270.295	12.427.867.125
Doanh thu thuần	11.155.646.368.573	11.913.817.746.003
Trong đó:		
Các bên khác	11.052.195.835.981	11.844.041.455.519
Các bên liên quan (Thuyết minh VII)	103.450.532.592	69.776.290.484

1.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30/09/2026 VND	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30/09/2025 VND
Lãi tiền gửi, cho vay, trái phiếu	202.334.299.003	160.043.802.358
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái, khác	13.575.000.955	91.138.670.179
TỔNG CỘNG	215.909.299.958	251.182.472.537

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30/09/2026 VND	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30/09/2025 VND
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	10.319.435.649.718	11.096.648.797.055
TỔNG CỘNG	10.319.435.649.718	11.096.648.797.055

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC Ngày

20 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 09 năm 2026 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

3. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30/09/2026 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30/09/2025 VND</i>
Chi phí lãi vay, lãi thuê tài chính	291.635.159.905	202.172.851.440
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái, khác	20.207.633.628	87.936.062.687
TỔNG CỘNG	311.842.793.533	290.108.914.127

4. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30/09/2026 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30/09/2025 VND</i>
Chi phí vận chuyển và giao hàng	164.875.584.362	213.006.755.734
Chi phí lương nhân viên	43.733.955.588	47.942.620.998
Chi phí quảng cáo	45.713.692.187	33.608.559.685
Chi phí dịch vụ mua ngoài	106.090.292.137	105.063.281.860
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.382.044.286	6.394.116.381
TỔNG CỘNG	365.795.568.560	406.015.334.658

5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30/09/2026 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30/09/2025 VND</i>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.343.318.762	32.097.387.636
Chi phí nhân viên	46.631.628.990	42.272.842.511
Chi phí khấu hao và hao mòn	7.214.878.859	6.227.139.368
Hoàn nhập (trích lập) dự phòng nợ phải thu khó đòi	(2.043.793.470)	1.006.744.999
TỔNG CỘNG	94.146.033.141	81.604.114.514

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC Ngày

20 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 09 năm 2026 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

6. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30/09/2026 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30/09/2025 VND</i>
Thu nhập khác	6.608.258.115	7.552.554.818
Thu nhập từ bán phế liệu	2.905.905.391	4.327.185.091
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	1.696.649.584	1.599.526.276
Khác	2.005.703.140	1.625.843.451
Chi phí khác	4.521.865.036	1.970.969.230
Lỗ từ bán phế liệu	-	312.136.803
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	1.417.827	-
Tiền phạt thuế	8.135.826	376.644.856
Khác	4.512.311.383	1.282.187.571
Lợi nhuận khác	2.086.393.079	5.581.585.588

7. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP:

	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30/09/2026 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30/09/2025 VND</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	77.691.919.285	31.765.854.483
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(11.546.125.554)	29.047.498.739
Chi phí thuế TNDN	66.145.793.731	60.813.353.222

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC Ngày

20 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 09 năm 2026 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

VII. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30/09/2026	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30/09/2025
Công ty TNHH JFE Shoji Việt Nam	Cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần	Mua hàng	3.491.535.396.364	2.500.597.094.881
		Bán hàng	103.450.532.592	69.776.290.484
Công ty TNHH KT Và TM Khang Việt	Bên liên quan thành viên BKS	Mua hàng	2.831.794.000	-
Tổng cộng			3.597.817.722.956	2.570.373.385.365

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Tại ngày 30/09/2026	Tại ngày 01/01/2026
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty TNHH JFE Shoji Việt Nam	Cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần	Bán hàng	2.797.812.013	13.934.148.463
Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
Công ty TNHH JFE Shoji Việt Nam	Cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần	Bán hàng	65.297.060	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH KT Và TM Khang Việt	Bên liên quan thành viên BKS	Mua hàng	2.840.500.000	-
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH JFE Shoji Việt Nam	Cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần	Mua hàng	1.602.689.046.615	900.758.510.966
Công ty TNHH KT Và TM Khang Việt	Bên liên quan thành viên BKS	Mua hàng	223.803.000	-
Tổng cộng			1.602.912.849.615	900.758.510.966

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC Ngày

20 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 09 năm 2026 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

VII. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN(TIẾP THEO)

Thu nhập của các thành viên HĐQT và Ban Tổng Giám đốc

<i>Tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Thu nhập (*)</i>	<i>Thu nhập (*)</i>
		<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30/09/2026</i>	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30/09/2025</i>
Ông Nguyễn Thanh Trung	Chủ tịch HĐQT	1.980.000.000	180.100.000
Ông Hồ Song Ngọc	Phó Chủ tịch HĐQT	306.053.775	1.885.946.364
Ông Đoàn Vĩnh Phước	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	1.795.926.482	1.704.014.568
Ông Nguyễn Văn Đại	Phó Tổng Giám đốc	1.511.550.801	1.556.213.805
Ông Nguyễn Thanh Vĩnh Nhật	Phó Tổng Giám đốc	1.486.443.712	610.537.601
Ông Lâm Vĩnh Hào	Phó Tổng Giám đốc	1.473.871.666	591.587.749
Ông Đỗ Hữu Văn	Phó Tổng Giám đốc	1.457.735.280	595.732.424
Ông Phạm Quốc Thắng	Thành viên HĐQT	1.564.050.529	1.623.256.427
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Thành viên HĐQT	267.100.000	17.100.000
Bà Lê Thị Phương Loan	Thành viên HĐQT	59.000.000	9.000.000
Ông Ngô Văn Sinh	Thành viên HĐQT	40.000.000	-
Ông Đoàn Danh Tuấn	Thành viên HĐQT	40.000.000	-
Ông Hoàng Duy Nhất	Trưởng BKS từ ngày 29//05/2026	30.000.000	-
Bà Bùi Thụy Diễm Trang	Thành viên BKS từ ngày 29//05/2026	-	-
Ông Nguyễn Mai Ngọc Dung	Thành viên BKS từ ngày 29//05/2026	-	-
Ông Nguyễn Năng Tín	Trưởng BKS Đến ngày 29//05/2026	30.000.000	-
Bà Đinh Thị Thảo Ly	Thành viên BKS Đến ngày 29//05/2026	10.000.000	-
TỔNG CỘNG		12.051.732.245	8.773.488.938

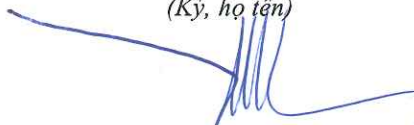
(*) Bao gồm tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác.

Người lập
(Ký, họ tên)



Võ Công Danh

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Trần Lê Xuân

Ngày 26 tháng 10 năm 2026

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Đoàn Vĩnh Phước